

Số: 181 /TB-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO
THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2023
(Mã trường: KCC)

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ thông báo thông tin tuyển sinh đại học chính quy (CQ) và đại học vừa làm vừa học (VLVH) năm 2023, như sau:

- Vùng tuyển sinh:** Thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.
- Đối tượng xét tuyển:** Thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm 2023 và các năm trở về trước.
- Tổng chỉ tiêu dự kiến xét tuyển**

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu		Tổ hợp xét tuyển	Khối ngành
			CQ	VLVH		
1	7480101	Khoa học máy tính	65	40	A00, A01, C01, D01	V
2	7460108	Khoa học dữ liệu	60	20		
3	7480104	Hệ thống thông tin	65	0		
4	7480201	Công nghệ thông tin	100	50		
5	7480103	Kỹ thuật phần mềm	80	0		
6	7520118	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	60	0	A00, C01, C02, D01	
7	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	90	60		
8	7510601	Quản lý công nghiệp	65	0		
9	7580302	Quản lý xây dựng	65	0		
10	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	70	0	A00, A02, C01, D01	
11	7510403	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	60	0	A00, A01, A02, C01	
12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	90	50		
13	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	65	0		
14	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	65	50		
15	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	50	0	A00, B00, C02, A11	
16	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	30	A00, B00, C02, D01	
17	7420201	Công nghệ sinh học	60	0	A02, B00, C02, D01	IV
18	7340201	Tài chính - Ngân hàng	80	25	A00, C01, C02, D01	III
19	7340301	Kế toán	80	25		
20	7340101	Quản trị kinh doanh	100	30		
21	7380101	Luật	80	30	C00, D01, D14, D15	
22	7220201	Ngôn ngữ Anh	70	25	D01, D14, D15, D66	VII
TỔNG			1.620	435		

Tổ hợp môn xét tuyển:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học
 A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh
 A02: Toán, Vật lý, Sinh học
 A11: Toán, Hóa học, GDCD
 B00: Toán, Hóa học, Sinh học
 C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn
 C02: Toán, Hóa học, Ngữ văn
 D01: Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn
 D14: Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử
 D15: Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý
 D66: Tiếng Anh, Ngữ văn, Giáo dục công dân

4. Phương thức xét tuyển (gồm 04 phương thức)

T T	Phương thức xét tuyển	Mã phương thức	Cách tính điểm xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng*	
				CQ	VLVH
1	Xét kết quả học bạ 05 học kỳ	HB1	Cách tính điểm xét tuyển: Tổng điểm trung bình ba môn trong tổ hợp xét tuyển của học kì I, II lớp 10, lớp 11 và học kì I lớp 12 (làm tròn đến số thập phân thứ 2) cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực (nếu có)	18	14
2	Xét kết quả học bạ lớp 12	HB2	Tổng điểm trung bình ba môn trong tổ hợp xét tuyển của cả năm lớp 12 (làm tròn đến số thập phân thứ 2) cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực (nếu có).		
3	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023	100	Tổng điểm ba môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực (nếu có).	Công bố sau khi có kết quả thi THPT quốc gia năm 2023	
4	Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023**	402	Cách tính điểm xét tuyển: Điểm thi đánh giá năng lực, cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực (nếu có).	600	550

Lưu ý: Điểm ưu tiên của thí sinh đăng ký xét tuyển được xác định dựa trên quy định về điểm ưu tiên trong Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Phụ lục đính kèm*).

* Ngưỡng đảm bảo chất lượng là mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Tổng điểm ba môn trong tổ hợp xét tuyển hoặc tổng điểm bài thi đánh giá năng lực không tính điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực.

** Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 do ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.



5. Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ tháng 3/2023.

6. Cách thức đăng ký và nộp hồ sơ

Thí sinh thực hiện đăng ký và nộp hồ sơ theo hướng dẫn tại website tuyển sinh của Trường: <https://tuyensinh.ctuet.edu.vn/>

7. Lệ phí đăng ký xét tuyển

Hình thức đào tạo	Lệ phí	Cách thức đóng lệ phí
Đại học chính quy	20.000 đồng/ nguyện vọng	Thí sinh nộp lệ phí theo hướng dẫn khi thực hiện đăng ký tại website đăng ký xét tuyển của Trường: https://tuyensinh.ctuet.edu.vn/
Đại học vừa làm vừa học	100.000 đồng/ hồ sơ	

8. Dự kiến lịch học chính thức: Tháng 9 năm 2023.

9. Học phí học kỳ I: Tùy thuộc vào khối ngành

STT	Khối ngành	Chính quy	Vừa làm vừa học
1	III, VII	6.080.000 đồng (380.000 đồng/tín chỉ)	6.880.000 đồng (430.000 đồng/tín chỉ)
2	IV, V	6.400.000 đồng (400.000 đồng/tín chỉ)	

10. Chính sách ưu đãi: Trường dành trên 3 tỷ đồng khen thưởng thủ khoa, trao học bổng khuyến học, khuyến tài. Kết nối tham dự các chương trình giao lưu sinh viên ở các nước ASEAN; sinh viên ra trường được nhà trường giới thiệu việc làm hoàn toàn.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

Địa chỉ: Số 256 đường Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3.898.167 - 0292.3.890.060

Trên đây là thông báo thông tin tuyển sinh đại học năm 2023 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. /

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, PDT.



 NGND. PGS. TS Huỳnh Thanh Nhã



PHỤ LỤC

CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

I. Khu vực ưu tiên**1. Xác định khu vực ưu tiên và mức điểm ưu tiên**

a) Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng.

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện	Mức điểm ưu tiên
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	0.75
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;	0.5
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).	0.25
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.	0

2. Các trường hợp được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú

a) Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

b) Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ.

II. Đối tượng ưu tiên

Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện	Mức điểm ưu tiên
<i>Nhóm UT1</i>		
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.	
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.	
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.	2.0
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	

RÚ
 DẠI
 Ỡ TH
 NG
 : AN

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện	Mức điểm ưu tiên
<i>Nhóm UT2</i>		
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.	1.0
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.	
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.	



III. CÁC LƯU Ý TRONG XÁC ĐỊNH ĐIỂM ƯU TIÊN

1. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong mục I và mục II tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

2. Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại mục I và mục II}$$